

Số: 108/NQ-HĐND

Quỳnh Nhai, ngày 20 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 21/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Sơn La: số 3289/QĐ-UBND tỉnh ngày 08/12/2018 về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019; số 3169/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 về giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách địa phương, vốn đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 335/TTr-UBND ngày 12/12/2018; Báo cáo thẩm tra số 149/BC-KTXH ngày 12/12/2018 của Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai với những nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn: 79.863 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Nguồn xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ: 2.000 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn ngân sách huyện: 31.371 triệu đồng, trong đó:

a. Vốn bổ sung cân đối: 11.371 triệu đồng.

b. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 20.000 triệu đồng.

1.3. Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia: 46.492 triệu đồng, trong đó:

a. Chương trình 30a: 22.933 triệu đồng

b. Chương trình 135: 8.529 triệu đồng

c. Chương trình xây dựng nông thôn mới: 15.030 triệu đồng

2. Nguyên tắc phân bổ:

2.1. Nguyên tắc chung:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Bố trí cho công trình hoàn thành còn thiếu vốn, các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch.
- Bố trí vốn thực hiện các dự án chuyển tiếp theo tiến độ phê duyệt.
- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới.

2.2. Đối với từng nguồn vốn:

- Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: Phân bổ theo nguyên tắc chung.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:
 - + Nộp ngân sách tỉnh (Quỹ phòng chống thiên tai, quỹ phát triển đất 15%)
 - + Bố trí kinh phí tổ chức đấu giá, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất;
 - + Bố trí kinh phí làm đường GTNT theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND (trước là Nghị quyết 115).
 - + Bố trí cho công trình hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch.
 - + Bố trí vốn thực hiện các dự án chuyển tiếp theo tiến độ dự án đã được duyệt.
 - + Số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí định mức của Trung ương, của tỉnh và nguyên tắc chung ở trên.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo - Chương trình 30a:
 - + Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.
 - + Bố trí cho công trình hoàn thành còn thiếu vốn, các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch.
 - + Bố trí vốn thực hiện các dự án chuyển tiếp theo tiến độ phê duyệt.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo - Chương trình 135: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí định mức và đối tượng của Trung ương, của tỉnh, kế hoạch trung hạn và nguyên tắc chung ở trên.

3. Phương án phân bổ cụ thể:

3.1. Nguồn xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ: 2.000 triệu đồng.

Hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới: 2.000 triệu đồng (*chi tiết giao sau*).

3.2. Nguồn vốn ngân sách huyện: 31.371 triệu đồng

a. Vốn bổ sung cân đối: 11.371 triệu đồng. Trong đó:

- Lồng ghép với các dự án Kiên cố hóa trường lớp học: 2.559,8 triệu đồng.
Thanh toán cho 05 công trình hoàn thành

- Phân bổ cho các dự án đầu tư: 8.811,2 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 04 công trình đã hoàn thành: 2.815,2 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 05 công trình chuyển tiếp: 4.896 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 02 công trình khởi công mới: 1.100 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01 và 02 kèm theo)

b. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 20.000 triệu đồng. Trong đó:

- Điều tiết ngân sách tỉnh (15%): 3.000 triệu đồng.

- Phân bổ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, chi phí bán đấu giá quyền sử dụng đất: 500 triệu đồng *(chi tiết giao sau)*.

- Phân bổ kinh phí làm đường GTNT theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND huyện: 1.000 triệu đồng *(chi tiết giao sau)*.

- Phân bổ thực hiện các dự án đầu tư: 15.500 triệu đồng. Cụ thể:

+ Phân bổ cho 04 công trình đã hoàn thành: 816,7 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 07 dự án chuyển tiếp: 7.089,7 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 07 dự án khởi công mới: 7.593,4 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo)

3.3. Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia: 46.492 triệu đồng.

a. Chương trình 30a: 22.933 triệu đồng

- Hoàn trả vốn sự nghiệp theo kết luận kiểm toán: 7.634 triệu đồng.

- Phân bổ thực hiện các dự án đầu tư: 15.299 triệu đồng. Cụ thể:

+ Phân bổ cho 15 công trình đã hoàn thành: 10.657,3 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 07 dự án chuyển tiếp: 4.641,6 triệu đồng.

b. Chương trình 135: 8.529 triệu đồng

- Phân bổ thực hiện các dự án đầu tư: 5.007,3 triệu đồng. Cụ thể:

+ Phân bổ cho 01 công trình đã hoàn thành: 880 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp: 238,3 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 03 dự án khởi công mới: 3.899 triệu đồng.

- Để lại phân bổ sau: 3.521,6 triệu đồng

c. Chương trình xây dựng nông thôn mới: 15.030 triệu đồng

+ Phân bổ cho 01 công trình đã hoàn thành: 697,7 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 06 dự án chuyển tiếp: 7.832,2 triệu đồng.

+ Phân bổ cho 09 dự án khởi công mới: 6.500 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 04, số 05, số 06 kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 bảo đảm theo đúng quy định hiện hành. Đối với vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia chưa được phân bổ chi tiết tại kỳ họp thứ bảy, HĐND huyện khóa XX, UBND huyện trình Thường trực HĐND huyện trước khi phân bổ.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện, các vị đại biểu HĐND huyện phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Quỳnh Nhai khóa XX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT, TCKH, Photo 80b.

CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN CHO CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					NS huyện	Vốn khác				NS huyện	Vốn khác			
	Tổng cộng (I+II+III)		38.760,637	22.308,465	12.572,711	9.735,754	25.355,578	21.814,210	14.058,897	6.365,196	6.365,196	0,000	8.811,200	
I	Công trình hoàn thành		19.713,020	16.359,160	6.777,077	9.582,083	19.174,356	16.359,160	3.353,860	2.815,196	2.815,196	0,000	2.815,196	
1	Cải tạo hội trường thuộc công trình Trụ sở Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Quỳnh Nhai	7576973	5.973,753	4.826,903	1.826,903	3.000,000	5.873,862	4.826,903	1.146,850	1.046,959	1.046,959		1.046,959	Vốn Ban DD
2	Cấp điện bản Phiêng Luông xã Chiềng Bàng	7657306	1.240,000	759,690	246,640	513,050	1.094,482	759,690	480,310	334,792	334,792		334,792	Vốn BSCĐ
3	Bố trí sắp xếp dân cư bản Huổi Tằm xã Mường Sại	7566904	6.499,716	5.854,433	490,000	5.364,433	6.255,562	5.854,433	645,283	401,129	401,129		401,129	NST
4	Trường mầm non xã Chiềng Khoang, HM nhà lớp học 2T 6P và hạng mục phụ trợ (Giai đoạn I)	7630615	5.999,551	4.918,134	4.213,534	704,600	5.950,450	4.918,134	1.081,417	1.032,316	1.032,316		1.032,316	Số xổ KT
II	Công trình chuyển tiếp		16.654,342	5.949,305	5.795,634	153,671	6.181,222	5.455,050	10.705,037	3.550,000	3.550,000	0,000	4.896,004	
2	Cầu trần bê tông cốt thép bản Giôn xã Mường Giôn	7683576	2.500,000	400,000	400,000		400,000	400,000	2.100,000		0,000		800,000	
3	Trường mầm non Pá Ma -Pha Khinh(HM: 2 nhà lớp học 1T2P và phụ trợ)	7717662	3.500,000	331,352	177,681	153,671			3.168,648		0,000		1.255,804	
4	Đường giao thông bản Hậu (Chiềng Khoang) ÷ xã Chiềng Pha (huyện Thuận Châu)	7561078	7.860,167	3.896,680	3.896,680		3.896,680	3.896,680	3.963,487	2.950,000	2.950,000		1.540,200	
5	Thủy lợi Huổi Tèo xã Mường Giôn	7593765	1.994,175	1.158,370	1.158,370		1.884,542	1.158,370	835,805	600,000	600,000		600,000	

6	Sửa chữa trụ sở Pá Ma-Pha Khinh	7717664	800,000	162,903	162,903				637,097				700,000	
III	Công trình xây dựng mới		2.393,275	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1.100,000	
1	Thủy lợi bán phát phường xã Cà Nàng		1.400,000										700,000	
2	Đường vào trường mầm non và trạm y tế xã Chiềng Khoang		993,275										400,000	

Ghi chú:

- Vốn tinh giao: 11.371 triệu đồng.
- Lồng ghép với vốn TPCP: 2.559,8 triệu đồng (chi tiết tại biểu 02).
- Phân bổ cho các dự án đầu tư: 8.811,2 triệu đồng.



KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN LŨNG GHỆP CHO CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cần vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ vốn 2019	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					Vốn TPCP	Vốn BSCĐ				Vốn TPCP	Vốn BSCĐ			
	Tổng cộng (I+II)		20.536,5	14.103,0	14.103,0	0,0	16.612,8	14.103,0	6.433,5	2.559,8	0,0	2.559,8	2.559,8	
I	Công trình hoàn thành		20.536,5	14.103,0	14.103,0	0,0	16.612,8	14.103,0	6.433,5	2.559,8	0,0	2.559,8	2.559,8	
1	Trường mầm non Pắc Ma + Pha Khinh (Ban Mai)		9.250,0	7.256,0	7.256,0		7.355,4	7.256,0	1.994,0	99,40		99,4	99,4	
2	Trường mầm non Mường Giàng		1.094,0	772,0	772,0		841,8	772,0	322,0	69,78		69,8	69,8	
3	Trường TH Chiềng Khay		2.099,7	1.215,0	1.215,0		1.905,6	1.215,0	884,7	690,59		690,6	690,6	
4	Tiểu học Cà Nàng		5.292,8	3.240,0	3.240,0		4.890,0	3.240,0	2.052,8	1.000,00		1.000,0	1.000,0	
5	Trường TH Nậm Ét		2.800,0	1.620,0	1.620,0		1.620,0	1.620,0	1.180,0	700,00		700,0	700,0	

Handwritten signature or mark in blue ink.

Phụ lục số 03
KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH 30A CHO CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh muc dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Khối lượng hoàn thành	Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
					Vốn 30a	Vốn khác					Vốn 30a	Vốn khác		
Tổng cộng (I+II)			108.958,162	80.387,982	63.651,291	16.736,691	95.576,617	80.387,982	28.570,180	18.962,244	18.962,244	0,000	22.933,000	
A	Hoàn trả vốn sự nghiệp theo kết luận kiểm toán năm 2012												7.634,000	
B	Dự kiến phân bổ vốn đầu tư cho các công trình, dự án năm 2019		108.958,162	80.387,982	63.651,291	16.736,691	95.576,617	80.387,982	28.570,180	18.962,244	18.962,244	0,000	15.299,000	
I	Công trình hoàn thành		84.713,923	68.602,982	53.366,291	15.236,691	80.310,952	68.602,982	16.110,941	11.657,339	11.657,339	0,000	10.657,339	
1	Đường TT xã - bản Sán - Nặm Giắt xã Chiềng Khoang	7269226	18.200,000	17.158,212	6.537,485	10.620,727	17.633,974	17.158,212	1.041,788	475,762	475,762		475,762	NTM:7171,042; 135:2110,985; NSH:1338,7
2	Đường bản Sây - Nà Phi - Co Sán xã M.Sại	7471562	6.732,061	5.835,745	5.835,745		6.554,793	5.835,745	896,316	719,048	719,048		719,048	
3	Đường GT liên bản Co Que - Nặm Tấu - Ít Ta Bót (gói 01 + gói 02)	7201107	15.209,962	13.859,661	12.959,661	900,000	13.978,217	13.859,661	1.350,301	118,556	118,556		118,556	NSH
4	Đường GTNT Púng Luông - Huổi Văn xã M.Giôn	7294762	10.410,464	9.941,400	9.091,40	850,000	9.992,031	9.941,400	469,064	50.631	50.631		50.631	NTM
5	Đường GTNT Huổi Suông - Ít Pháy xã Cà Nàng	7396630	11.170,606	10.833,200	10.833,200		10.840,762	10.833,200	337,406	7,562	7,562		7,562	
6	NSH bản Hậu (Phiêng Mây)	7561079	1.451,930	808,800	808,800		1.214,478	808,800	643,130	405,678	405,678		405,678	
7	Nâng cấp đường GTNT Huổi Văn - Kéo Ca xã Mường Giôn	7643937	5.000,000	1.500,000	1.500,000		4.778,311	1.500,000	3.500,000	3.278,311	3.278,311		2.278,311	
8	Thủy lợi Nà Mùn	7561070	2.888,900	1.000,000	1.000,000		2.751,898	1.000,000	1.888,900	1.751,898	1.751,898		1.751,898	
9	Thủy lợi bản Đông xã Chiềng Khoang (sửa chữa)	7643788	1.250,000	900,000	900,000		1.014,471	900,000	350,000	114,471	114,471		114,471	
10	Thủy lợi bản Bo, xã Mường Giôn	7643787	2.000,000	900,000	900,000		1.948,161	900,000	1.100,000	1.048,161	1.048,161		1.048,161	
11	Nước sinh hoạt bản Ít Pháy, xã Cà Nàng	7471559	3.000,000	700,000	700,000		2.435,649	700,000	2.300,000	1.735,649	1.735,649		1.735,649	
12	Nhà văn hóa bản Tậu, xã Pá Ma Pha Khinh	7642487	1.200,000	1.000,000	200,000	800,000	1.141,614	1.000,000	200,000	141,614	141,614		141,614	NST
13	Trường Mầm Non xã Pá Ma Pha Khinh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ + Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645798	3.000,000	2.025,000	1.025,000	1.000,000	2.920,250	2.025,000	975,000	895,250	895,250		895,250	NST
14	Nhà văn hóa bản Máng xã Pá Ma Pha Khinh	7642475	1.200,000	675,000	200,000	475,000	1.106,343	675,000	525,000	431,343	431,343		431,343	NST

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					Vốn 30a	Vốn khác				Vốn 30a	Vốn khác			
15	Xây dựng Chợ TT Pá Ma, Pha Khinh	7645793	2.000,000	1.465,964	875,000	590,964	2.000,000	1.465,964	534,036	534,036	534,036		534,036	NST
II	Công trình chuyển tiếp		24.244,239	11.785,000	10.285,000	1.500,000	15.265,665	11.785,000	12.459,239	7.304,905	7.304,905	0,000	4.641,661	
1	Đường GT bản Lý - Phòng Lái (Thuận Châu)	7572222	8.544,239	4.720,000	4.720,000		4.720,000	4.720,000	3.824,24	3.824,240	3.824,240		1.791,661	
2	Trường tiểu học xã Pá Ma Pha Khinh; Hạng mục: Nhà đa năng + nhà lớp học chức năng Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645799	3.000,000	1.525,000	1.025,000	500,000	2.560,044	1.525,000	1.475,00	1.035,044	1.035,044		430,000	NST
3	Trường THCS xã Pá Ma Pha Khinh; Hạng mục: Nhà đa năng + nhà lớp học chức năng Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645795	3.000,000	2.025,000	1.025,000	1.000,000	2.561,718	2.025,000	975,00	536,718	536,718		220,000	NST
4	Trường Mầm Non xã Chiềng Ôn; Hạng mục: Nhà hiệu bộ + Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645797	2.500,000	1.025,000	1.025,000		1.969,958	1.025,000	1.475,00	944,958	944,958		400,000	
5	Trường tiểu học xã Chiềng Ôn; Hạng mục: Nhà đa năng + nhà lớp học chức năng Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645796	3.000,000	1.130,000	1.130,000		1.130,000	1.130,000	1.870,00	-	-		700,00	
6	Trường THCS xã Chiềng Ôn; Hạng mục: Nhà đa năng + nhà lớp học chức năng Nhà bảo vệ và các HM phụ trợ	7645794	3.000,000	1.130,000	1.130,000		1.130,000	1.130,000	1.870,00	-	-		700,00	
7	Nhà văn hóa bản Pom Luồng xã Mường Giàng	7642478	1.200,000	230,000	230,000		1.193,945	230,000	970,00	963,945	963,945		400,000	

Phụ lục số 04
KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135 CHO CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh muc dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					Vốn 135	Vốn khác				Vốn 135	Vốn khác			
Tổng cộng (I+II+III)			12.826,169	6.434,827	5.984,827	450,000	7.640,818	6.434,827	1.791,142	1.205,991	1.205,991	0,000	5.007,356	
I	Công trình hoàn thành		3.235,969	1.918,127	1.468,127	450,000	2.895,762	1.918,127	1.317,842	977,635	977,635	0,000	880,000	
1	Điện sinh hoạt bản Co Que xã Chiềng Khay	7561080	3.235,969	1.918,127	1.468,127	450,000	2.895,762	1.918,127	1.317,842	977,635	977,635		880,000	Vốn CQ
II	Công trình chuyển tiếp		4.990,000	4.516,700	4.516,700	0,000	4.745,056	4.516,700	473,300	228,356	228,356	0,000	228,356	
1	Đường tỉnh lộ 107 đến Bản Cà, xã Nậm Êt	7645800	4.990,000	4.516,700	4.516,700		4.745,056	4.516,700	473,300	228,356	228,356		228,356	
III	Công trình xây dựng mới		4.600,200	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	3.899,000	
3	Nhà ở giáo viên Nà Phi, xã Mường Sại		1.300,000										1.200,000	NQ bổ sung
4	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi Tằm, xã Mường Sại		1.500,000										1.400,000	NQ bổ sung
5	Nhà lớp học tiểu học 1 tầng 2 phòng bản Công Ai, xã Chiềng Ôn		1.800,200										1.299,000	NQ bổ sung

Ghi chú:

- Tổng vốn tính giao: 8.529 triệu đồng
- Dự kiến phân bổ chi tiết: 5.007,356 triệu đồng.
- Còn tồn chưa phân bổ: 3.521,644 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 05
KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH XD NTM CHO CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng



Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Khối lượng hoàn thành	Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ vốn năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
					NTM	Vốn khác					NTM	Vốn khác		
	Tổng cộng (I+II+III)		41.860,910	12.023,791	12.023,791	0,000	16.094,190	12.023,791	9.021,195	4.070,399	4.070,399	0,000	15.030,000	
I	Công trình hoàn thành		1.851,290	1.060,000	1.060,000	0,000	1.757,764	1.060,000	791,290	697,764	697,764	0,000	697,764	
1	Trường tiểu học Lá Giôn xã Mường Giôn; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	7639377	1.851,290	1.060,000	1.060,000		1.757,764	1.060,000	791,290	697,764	697,764		697,764	
II	Công trình chuyển tiếp		19.193,696	10.963,791	10.963,791	0,000	14.336,426	10.963,791	8.229,905	3.372,635	3.372,635	0,000	7.832,236	
1	Trường mầm non Hoa Đào xã Chiềng Khay; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	7640810	2.500,000	1.520,615	1.520,615		2.404,868	1.520,615	979,385	884,253	884,253		884,000	
2	Đường GTNT bản Huổi Tăm - Nà Phi - Co Sán xã Mường Sại	7640811	4.972,554	3.480,500	3.480,500		4.726,566	3.480,500	1.492,054	1.246,066	1.246,066		1.492,000	
3	Nâng cấp công trình NSH bản Pó Ún xã Nậm É (điểm định canh định cư bản Phiêng Bó)	7640108	2.000,000	1.060,000	1.060,000		1.060,000	1.060,000	940,000	0,000	0,000		940,000	
4	Đường tỉnh 107 - bản Cọ xã Nậm É	7639378	2.435,767	1.200,000	1.200,000		2.111,999	1.200,000	1.235,767	911,999	911,999		933,735	
5	Nhà lớp học mầm non bản Ít Pháy xã Cà Nàng	7640101	1.285,999	836,000	836,000		1.166,317	836,000	449,999	330,317	330,317		449,800	
6	Trường mầm non Chiềng Khoang; Hạng mục: Nhà hiệu bộ + Nhà bảo vệ, Phụ trợ	7639376	5.999,377	2.866,676	2.866,676		2.866,676	2.866,676	3.132,701	0,000	0,000		3.132,701	
III	Công trình xây dựng mới		20.815,924	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	6.500,000	
1	Nhà văn hoá bản Nà Đơ và các hạng mục phụ trợ, xã Chiềng Khoang		1.305,787										400,000	
2	Trường tiểu học Chiềng Khoang; Hạng mục: Nhà đa năng + nhà lớp học chức năng và các hạng mục phụ trợ		3.030,000										1.000,000	
3	Nâng cấp đường GTNT Nà mạt - Tra Có xã Mường Giôn		6.230,137										2.000,000	

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ		Khối lượng hoàn thành	Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ vốn năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
										NTM	Vốn khác		
4	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Giôn, xã Mường Giôn		1.650,000									500,000	
5	Trường THCS Chiềng Khay; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ		3.030,000									1.000,000	
6	Nhà văn hóa bản Ít Ta Bót		1.380,000									400,000	NQ bổ sung
7	Nhà văn hóa trung tâm xã Cà Nàng (nâng cấp, sửa chữa)		1.430,000									400,000	NQ bổ sung
8	Nhà văn hóa bản Giang Lò xã Cà Nàng		1.380,000									400,000	NQ bổ sung
9	Nhà văn hóa bản Huổi Xuông xã Cà Nàng		1.380,000									400,000	NQ bổ sung

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 30/12/2018 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng



Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
					Vốn cấp QSD đất	Vốn khác				Vốn cấp QSD đất	Vốn khác			
Tổng cộng (I+II+III)			76.756,685	14.503,534	8.974,935	5.528,599	18.543,088	13.233,831	14.398,083	5.339,257	5.339,257	0,000	20.000,000	
A	Điều tiết 15% ngân sách tỉnh												3.000,000	
B	Chi phí các đợt tổ chức đấu giá năm 2019 (dự kiến 4 đợt) và giải phóng mặt bằng												500,000	
C	Làm đường GTNT theo NQ 77												1.000,000	
D	Phân bổ cho các công trình dự án năm 2019		76.756,685	14.503,534	8.974,935	5.528,599	18.543,088	13.233,831	14.398,083	5.339,257	5.339,257	0,000	15.500,000	
I	Công trình hoàn thành		6.305,756	5.282,807	2.301,208	2.981,599	6.099,590	5.282,807	1.022,949	816,783	816,783	0,000	816,783	
1	Sửa chữa công cháo vào trung tâm huyện tại Phiêng Lanh	7597372	1.262,199	990,970	990,970		1.216,654	990,970	271,229	225,68	225,68		225,684	
2	Tháo dỡ 01 nhà LV Ban điều hành tỉnh tại P.Lanh, di chuyển lắp dựng làm Thư viện + điểm truy cập internet + tiếp công dân xã M.Chiên	7592232	1.002,492	730,879	199,280	531,599	1.002,492	730,879		271,61	271,61		271,613	NST
3	Sửa chữa trụ sở xã Mường Chiên	7594184	1.343,450	1.036,958	486,958	550,000	1.343,450	1.036,958	306,492	306,49	306,49		306,492	NST
4	Xây dựng hệ thống thoát lũ khu vực bệnh viện đa khoa huyện	7591439	2.697,615	2.524,000	624,000	1.900,000	2.536,994	2.524,000	173,615	12,99	12,99		12,994	BSCĐ
II	Công trình chuyển tiếp		22.595,861	9.220,727	6.673,727	2.547,000	12.443,498	7.951,024	13.375,134	4.522,474	4.522,474	0,000	7.089,771	
1	Chỉnh trang khu dân cư Huội Cuối	7603732	3.218,414	875,681	375,681	500,000	875,681	875,681	2.342,733	0,000	0,000		200,000	NST
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng tạo quỹ đất phục vụ bán đấu giá quyền SD đất lô CX-08 thuộc quy hoạch TT huyện Quỳnh Nhai	7657310	4.314,947	2.423,310	2.423,310		2.423,310	1.613,607	1.891,637	809,703	809,703		1.000,000	
3	Đào, hút đất, đá và xử lý sạt lở do ảnh hưởng mưa lũ gây ra tại xóm 1 xã Mường Giàng	7658170	6.999,990	2.476,507	1.129,507	1.347,000	4.439,507	2.476,507	4.523,483	1963,000	1963,000		3.000,000	Vốn DP
4	Bãi đỗ xe Linh Sơn Thủy Từ xã Mường Giàng	7675032	1.580,000	100,000	100,000		100,000		1.480,000	100,000	100,000		700,000	
5	Cải tạo, sửa chữa nhà ở, nhà bếp, nhà đa năng Ban chỉ huy quân sự huyện Quỳnh Nhai	7004686	1.985,000	1.795,229	1.795,229		1.985,000	1.795,229	189,771	189,771	189,771		189,771	
6	Khu 2 - Trụ sở công an huyện, Hàng mục: Nhà tập võ thuật, thể thao, kè, tường rào	7708710	1.500,000	250,000	250,000		1.320,000	250,000	1.250,000	1.100,000	1.100,000		1.000,000	
7	Trụ sở làm việc Ban công an và Ban Chỉ huy quân sự xã Pá Ma Pha Khinh	7683581	2.997,510	1.300,000	600,000	700,000	1.300,000	940,000	1.697,510	360,000	360,000		1.000,000	NST
III	Công trình xây dựng mới		47.855,068	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	7.593,446	

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Kế hoạch vốn đã phân bổ			Giải ngân, thanh toán	Nhu cầu vốn so với tổng mức đầu tư được phê duyệt	Nhu cầu vốn so với khối lượng hoàn thành			Dự kiến phân bổ 2019	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
					Vốn cấp QSD đất	Vốn khác				Vốn cấp QSD đất	Vốn khác		
1	Trận địa súng máy phòng không 12,7mm huyện Quỳnh Nhai		2.799,0								800,000		
2	Nhà văn hoá bán Nà Hoi xã Chiềng Khoang		1.299,2								500,000		
3	Trường THCS xã Mường Giôn; Hạng mục: Nhà đa năng, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ		2.489,6								600,000		
4	Trường THCS xã Mường Giôn; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ		5.995,3								1.000,000		
5	Nâng cấp đường vào xã Nậm Êt, huyện Quỳnh Nhai		1.970,0								500,000		
6	Xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân huyện Quỳnh Nhai		4.900,0								1.193,446	NQ bổ sung	
10	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng lô X4, 5, 7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai		28.402,0								3.000,000	NQ bổ sung	